

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **19/2020/KDTM- ST**

Ngày 14 tháng 5 năm 2020

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị An**

2. Ông **Đào Văn Nghiệp**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thu Hương**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2020/TLST – KDTM ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2020/QĐST - HPT ngày 14 tháng 4 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng V (VPBank)**; Địa chỉ: Số 89 đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng – Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn Anh – Phó giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân, VPBank Hội sở theo văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ – HĐQT ngày 02/03/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị VPBank. Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Phan Văn Nghĩa, ông Thái Đình Đạo.

- Bị đơn: **Công ty H**; Địa chỉ: Số 5, ngõ 29, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị H – Chức vụ: Giám đốc, địa chỉ: Thôn Nghi Xuyên, xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Phan Thị H**, sinh năm 1991; Cư trú tại: Thôn N Xuyên, xã C, huyện K, tỉnh H.

(Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn - ông Nghĩa có mặt; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai liên tiếp không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2019 của nguyên đơn, cũng như các bản khai người đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 090617-3707326-01-SME; phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 15/06/2017 và các khế ước nhận nợ kèm theo, Công ty H sau đây gọi tắt là Công ty H vay vốn của Ngân hàng V sau đây gọi tắt là VPBank với tổng số tiền là 500.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, thanh toán hóa đơn tiền hàng cho khách hàng. Lãi suất cho vay (trong hạn): Được quy định trong các Khế ước nhận nợ ký kết giữa Bên vay và Bên Ngân hàng.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Khoản nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Khế ước nhận nợ số: 150617-3707326-01-SME ngày 15/6/2017:

Số tiền nhận nợ: 500.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày 15/6/2017 đến ngày 15/6/2018; Lãi suất cho vay trong hạn: 18.45%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: mức lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên là ngày 15/7/2017. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 10.8%/năm.

Biện pháp bảo đảm cho khoản vay nêu trên là:

Theo hợp đồng bảo lãnh số 090617-3707326-01-SME/HĐBL ngày 15/6/2017, bà Phan Thị Hằng đã đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty H trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác – của Công ty H với VPBank phát sinh từ hợp đồng cho vay hạn mức số 090617-3707326-01-SME ngày 15/6/2017 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty H và VPBank bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Quá trình thực hiện Hợp đồng:

Công ty H đã vi phạm thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank kể từ ngày 08/01/2018. Do đó, VPBank đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Tạm tính đến ngày 14/5/2020, Công ty H còn nợ VPBank số tiền như sau:

Nợ gốc: 250.400.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.741.083 đồng; Nợ lãi quá hạn: 163.033.508 đồng; Phạt chậm trả lãi: 20.680.307 đồng; Tổng cộng: 437.854.898 đồng.

Đề nghị Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội giải quyết:

Buộc Công ty H phải thanh toán cho VPBank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên; tạm tính đến ngày 14/5/2020, số tiền nợ gốc và lãi là: 437.854.898 đồng.

Trong trường hợp Công ty H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VPbank, đề nghị Tòa án buộc bà Phan Thị Hằng có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty H toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Tòa án tiếp tục tính lãi và phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên cho đến ngày Công ty H thực tế thanh toán hết nợ cho VPBank.

Trong trường hợp Công ty H và bà Phan Thị Hằng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VPbank, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty H và bà Phan Thị Hằng để thu hồi khoản nợ vay.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và không tiến hành hòa giải cho các đương sự được. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của đương sự; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai liên tiếp không có lý do và cũng không ủy quyền cho bất cứ ai tham

dự phiên tòa nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét quyền lợi của các đương sự và tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

*** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm:**

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn có ý thức chấp hành pháp luật. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, do đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, là đúng quy định.

+ Về nội dung: Việc bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn theo đúng thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ hai bên đã ký là vi phạm hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thanh toán theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

Về đề xuất hướng giải quyết vụ án: Căn cứ lời khai trình bày của các đương sự, tài liệu về Hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ, Hợp đồng bảo lãnh. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 14/5/2020 là: 437.854.898 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 250.400.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.741.083 đồng; Nợ lãi quá hạn: 163.033.508 đồng; Phạt chậm trả lãi: 20.680.307 đồng.

Án phí sơ thẩm: Hoàn trả Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là Công ty H có trụ sở đăng ký kinh doanh tại số 5, ngõ 29, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Đây là vụ án Kinh doanh thương mại “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ba Đình.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải. Vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

- Bị đơn không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, nhưng không thông báo cho ngân hàng được biết. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thông báo

hợp lệ tại địa chỉ kinh doanh của bị đơn. Căn cứ khoản 3 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Việc ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 090617-3707326-01-SME; phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 15/06/2017 giữa VPBank với bị đơn có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với Hợp đồng bảo lãnh cho khoản vay, các bên đã tự nguyện giao kết thực hiện hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm trước trách nhiệm về nội dung hợp đồng, do vậy quyền và nghĩa vụ cũng như hậu quả pháp lý được quy định trong hợp đồng các bên đều phải chịu trách nhiệm. Trong trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bà Phan Thị Hằng có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty H toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạ, nợ lãi quá hạn và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên. Trường hợp Công ty H và bà Phan Thị Hằng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VPbank, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty H và bà Phan Thị Hằng để thu hồi khoản nợ vay.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và toàn bộ dư nợ của hợp đồng tín dụng trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2018. Mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần đôn đốc nhưng đến thời điểm hiện tại bị đơn vẫn không hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, tiếp tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án. Việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật và có căn cứ để chấp nhận.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

- Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 30; Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Khoản 3 Điều 5, điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Điều 11, 24 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ngày 31/12/2001; Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Điều 26, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng;

Buộc Công ty H phải trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng tổng số tiền nợ gốc theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 090617-3707326-01-SME; phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 15/06/2017 tạm tính đến ngày 14 tháng 5 năm 2020 là: 250.400.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu bốn trăm nghìn đồng*);

Buộc Công ty H phải trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng số tiền nợ lãi tính trên số tiền nợ gốc theo thỏa thuận đến ngày xét xử là lãi: 187.454.898 (*Một trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn tám trăm chín mươi tám*) đồng, trong đó lãi trong hạn: 3.741.083 (*Ba triệu bảy trăm bốn mươi một nghìn không trăm tám mươi ba*) đồng, lãi quá hạn: 163.033.508 (*Một trăm sáu mươi ba triệu không trăm ba mươi ba nghìn năm trăm linh tám*) đồng; phạt chậm trả lãi: 20.680.307 (*Hai mươi triệu sáu trăm tám mươi nghìn ba trăm linh bảy*) đồng,

Tổng số tiền Công ty H phải trả Ngân hàng V tổng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh là: 437.854.898 (*Bốn trăm ba mươi bảy triệu tám trăm năm mươi tư nghìn tám trăm chín mươi tám*) đồng.

Kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2020, Công ty H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chậm trả cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng V theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Trường hợp Công ty H không trả được nợ, bà Phan Thị Hằng có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty H toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Trong trường hợp Công ty H và bà Phan Thị Hằng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng V, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty H và bà Phan Thị Hằng để thu hồi khoản nợ vay.

3. Về án phí sơ thẩm: Công ty H phải chịu 21.514.196 (Hai mươi một triệu năm trăm mười bốn nghìn một trăm chín mươi sáu) đồng án phí sơ thẩm.

- Ngân hàng V không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp **16.000.000** (Mười sáu triệu) đồng theo biên lai thu số **24091** ngày 27 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 14 tháng 5 năm 2020. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Long